

PHỤ LỤC 01

BÁO CÁO TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (Điều chỉnh nếu có)		Kế vốn hoạch năm 2022			Giải ngân đến ngày 16/11/2022			Tỷ lệ giải ngân 2022 (%)	Tỷ lệ giải ngân 2021 kéo dài (%)
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh lần 1	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh lần 1	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài		
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ			6.128.173	1.669.407	1.455.947	213.460	644.027	496.885	147.142	34,13%	68,93%
	Vốn trong nước			4.513.395	1.323.265	1.306.500	16.765	457.842	455.554	2.288	34,87%	13,65%
	Vốn nước ngoài			1.614.778	346.142	149.447	196.695	186.185	41.331	144.854	27,66%	73,64%
I	Tổng cục Môi trường			794.295	328.383	326.377	2.006	83.759	83.759	0	25,66%	0,00%
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm tích hợp, xử lý thông tin, dữ liệu và điều hành mạng lưới Quan trắc môi trường quốc gia	2020-2023	2772/QĐ-BTNMT 30/10/2019	109.914	36.829	36.829	0	4.661	4.661	0	12,66%	
2	Dự án "Đầu tư xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường không khí (giai đoạn I)"	2020-2023	2963/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2020	514.389	250.000	250.000	0	64.615	64.615	0	25,85%	
3	Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2020 - 2022	174/QĐ-TTg ngày 03/2/2020; số 1409/QĐ- BTNMT ngày 16/07/2021	27.444	21.000	21.000	0	9.989	9.989	0	47,57%	
4	Xây dựng hệ thống quan trắc và cảnh báo môi trường biển 04 tỉnh miền Trung - Hợp phần 5: Giám sát, cảnh báo môi trường tại ven biển 04 tỉnh miền Trung thông qua hệ thống trạm quan trắc tự động, công nghệ viễn thám và kết hợp chương trình quan trắc định kỳ	2017-2021	983/QĐ-BTNMT ngày 23/4/2020	120.000	2.006	0	2.006	0	0	0		
5	Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2020 - 2022	274/QĐ-TTg ngày 18/02/2020; số 1417/QĐ-BTNMT ngày 20/7/2021	22.548	18.548	18.548	0	4.494	4.494	0	24,23%	

STT	Nội dung	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (Điều chỉnh nếu có)		Kế vốn hoạch năm 2022			Giải ngân đến ngày 16/11/2022			Tỷ lệ giải ngân 2022 (%)	Tỷ lệ giải ngân 2021 kéo dài (%)
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh lần 1	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh lần 1	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài		
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14
II	Tổng cục Quản lý đất đai			84.965	30.358	20.176	10.182	1.266	952	314	4,72%	
	- Vốn trong nước			57.214	22.016	12.600	9.416	1.266	952	314	7,56%	
	- Vốn nước ngoài			27.751	8.342	7.576	766	0	0	0	0,00%	
6	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG) (Phân do Tổng cục Quản lý đất đai thực hiện từ nguồn NSTW)	2017 - 2023	1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016; 2531/QĐ-BTNMT ngày 22/12/2021	84.965	23.837	20.176	3.661	1.266	952	314	4,72%	
	- Vốn trong nước			57.214	15.495	12.600	2.895	1.266	952	314	7,56%	
	- Vốn nước ngoài			27.751	8.342	7.576	766	0	0	0	0,00%	
7	Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050	2018-2021	67/NQ-CP ngày 12/5/2020; 2397/QĐ-BTNMT ngày 28/10/2020	40.316	6.521	0	6.521	0	0	0		
III	Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam			253.955	63.370	63.370	0	21.654	21.654	0	34,17%	
8	Xây dựng cơ sở vật chất và đầu tư trang thiết bị cho Liên đoàn Bán đồ Địa chất miền Bắc và Liên đoàn Địa chất và Khoáng sản biển	2021-2023	2956/QĐ-BTNMT ngày 28/12/2020	99.058	40.000	40.000	0	20.689	20.689	0	51,72%	
9	Xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật Liên đoàn địa chất Xạ- Hiếm	2021-2024	1630/QĐ-BTNMT ngày 19/8/2021	99.168	20.000	20.000	0	965	965	0	4,83%	
10	Xây dựng cơ sở kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường vật lý và phân loại lưu giữ, bảo quản mẫu phóng xạ, Liên đoàn Vật lý địa chất	2023-2026	1087/QĐ-BTNMT ngày 01/6/2021	45.000	1.000	1.000	0	0	0	0	0,00%	
11	Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021 - 2022	1191/QĐ-BTNMT ngày 15/6/2021	10.729	2.370	2.370	0	0	0	0	0,00%	
IV	Tổng cục Khí tượng Thủy văn			659.248	160.943	77.965	82.978	102.018	24.725	77.293	31,71%	

STT	Nội dung	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (Điều chỉnh nếu có)		Kế vốn hoạch năm 2022			Giải ngân đến ngày 16/11/2022			Tỷ lệ giải ngân 2022 (%)	Tỷ lệ giải ngân 2021 kéo dài (%)
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh lần 1	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh lần 1	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài		
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14
	- Vốn trong nước			479.067	77.987	77.965	22	24.725	24.725	0	31,71%	
	- Vốn nước ngoài			180.181	82.956	0	82.956	77.293	0	77.293		
12	Tiểu dự án Đầu tư xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát tài nguyên nước và tăng cường công tác điều phối việc vận hành liên hồ chứa trên lưu vực Sông Vu Gia - Thu Bồn và lưu vực Sông Cà thuộc Hợp phần 2: Quản lý an toàn đập thuộc dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập" (WB8)	2019-2022	1733/QĐ-BTNMT ngày 07/8/2020	185.894	83.604	626	82.978	77.717	424	77.293	67,73%	
	- Vốn trong nước			5.713	0	626	22	0	424	0	67,73%	
	- Vốn nước ngoài			180.181	0	0	82.956	0	0	77.293		
13	Tăng cường cơ sở vật chất Trạm KTHV Phú Quý thuộc Đài KTTV khu vực Nam Trung Bộ	2021-2023	481/QĐ-TCKTTV ngày 30/10/2020	14.500	7.500	7.500	0	1.931	1.931	0	25,75%	
14	Đầu tư đồng bộ trạm Khí tượng Hải văn Ba Lạt; trạm Thủy văn Thượng Cát và trạm Thủy văn môi trường Hà Nội thuộc Đài KTTV khu vực Đồng bằng Bắc Bộ	2021-2023	655/QĐ-TCKTTV ngày 24/12/2020	33.866	25.000	25.000	0	14.122	14.122	0	56,49%	
15	Đầu tư cấp bách trạm Khí tượng Hải văn Bạch Long Vỹ thuộc Đài KTTV khu vực Đông Bắc	2021-2023	666/QĐ-TCKTTV ngày 25/12/2020	16.200	7.300	7.300	0	6.014	6.014	0	82,38%	
16	Xây dựng nhà điều hành quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai và giám sát biến đổi khí hậu khu vực Việt Bắc	2021-2024	957/QĐ-BTNMT ngày 17/4/2020	57.435	11.000	11.000	0	818	818	0	7,44%	
17	Xây dựng Trung tâm điều hành KTTV khu vực Tây Nguyên phục vụ dự báo cảnh báo thiên tai	2021-2024	949/QĐ-BTNMT ngày 16/4/2020	57.962	12.000	12.000	0	500	500	0	4,17%	

STT	Nội dung	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (Điều chỉnh nếu có)		Kế vốn hoạch năm 2022			Giải ngân đến ngày 16/11/2022			Tỷ lệ giải ngân 2022 (%)	Tỷ lệ giải ngân 2021 kéo dài (%)
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh lần 1	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh lần 1	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài		
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14
18	Đầu tư xây dựng mới trạm ra đa thời tiết và thám không vô tuyến Trường Sa phục vụ công tác dự báo KTTV			277.000	2.117	2.117	0	640	640	0	30,23%	
19	Quy hoạch mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2021 - 2023	1314/QĐ-BTNMT ngày 07/5/2021	16.391	12.422	12.422	0	276	276	0	2,22%	
V	Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam			67.386	38.877	38.046	831	781	781	0	2,05%	
18	Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2020-2022	25/QĐ-TTg ngày 23/4/2020; QĐ 319/QĐ-BTNMT-m ngày 10/11/2020	28.240	16.404	15.900	504	212	212	0	1,33%	
19	Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2020-2022	22/NQ-CP ngày 24/7/2020; 400/QĐ-BTNMT ngày 05/3/2021	39.146	22.283	22.146	137	569	569	0	2,57%	
	Dự án Tăng cường năng lực trang thiết bị kỹ thuật hiện đại phục vụ công tác ĐTCB và quản lý tổng hợp TNMT biển và hải đảo (giai đoạn 1)	2021-2024	1068/QĐ-BTNMT ngày 31/5/2021	350.000	190	0	190	0	0	0		
VII	Cục Quản lý Tài nguyên nước			30.008	817	750	67	218	218	0	29,07%	
	Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát việc vận hành của các hồ chứa thủy điện và hệ thống hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa thủy điện trên lưu vực sông Hồng - Thái Bình	2021-2025	2890/QĐ-BTNMT ngày 22/12/2020	4.663	16	0	16	0	0	0		
20	Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	2017 - 2021	1748/QĐ-TTg ngày 04/12/2019; 1244/QĐ-BTNMT ngày 23/6/2021	30.008	801	750	51	218	218	0	29,07%	
VIII	Cục CNTT			310.000	50.000	50.000	0	0	0	0	0,00%	

STT	Nội dung	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (Điều chỉnh nếu có)		Kế vốn hoạch năm 2022			Giải ngân đến ngày 16/11/2022			Tỷ lệ giải ngân 2022 (%)	Tỷ lệ giải ngân 2021 kéo dài (%)
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh lần 1	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh lần 1	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài		
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14
	Chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường (giai đoạn 1)	2022-2025	1364/QĐ-BTNMT ngày 24/6/2022	310.000	50.000	50.000		0	0	0		
VIII	Cục Viễn thám quốc gia			824.561	147.775	147.762	13	46.117	46.117		31,21%	
	- Vốn trong nước			343.491	136.775	147.762	13	46.117	46.117	0	31,21%	
	- Vốn nước ngoài			481.070	11.000	0	0	0	0	0		
21	Tăng cường năng lực giám sát tài nguyên môi trường cho cục Viễn thám quốc gia tại số 79 Văn Tiến Dũng	2018-2022	2656/QĐ-BTNMT ngày 27/10/2017	249.862	136.775	136.762	13	46.117	46.117	0	33,72%	
22	Dự án “Xây dựng Trạm dò tìm, tiếp nhận dữ liệu và Trung tâm xử lý dữ liệu ảnh vệ tinh” thuộc khuôn khổ hợp tác ASEAN - Ấn Độ	2020-2022	2672/QĐ-BTNMT ngày 30/10/2017	574.699	11.000	11.000	0	0	0	0	0,00%	
	- Vốn trong nước			93.629		11.000		0	0	0		
	- Vốn nước ngoài			481.070		0		0	0	0		
IX	Cục Đo đạc bản đồ và thông tin địa lý			817.674	198.260	198.260	0	32.550	32.550	0	16,42%	
23	Dự án "Đầu tư hạ tầng xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia phục vụ xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia và Chính phủ điện tử"	2020-2023	2515/QĐ-BTNMT 06/11/2020	398.000	148.260	148.260	0	27.307	27.307	0	18,42%	
24	“Hiện đại hóa mạng lưới độ cao quốc gia phục vụ công tác quy hoạch, xây dựng, phát triển kinh tế xã hội và ứng phó với biến đổi khí hậu tại một số thành phố lớn và khu vực ven biển”			419.674	50.000	50.000	0	5.243	5.243	0	10,49%	
X	Văn phòng Bộ TN&MT			717.900	281.324	280.000	1.324	201.439	200.115	1.324	71,47%	

STT	Nội dung	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (Điều chỉnh nếu có)		Kế vốn hoạch năm 2022			Giải ngân đến ngày 16/11/2022			Tỷ lệ giải ngân 2022 (%)	Tỷ lệ giải ngân 2021 kéo dài (%)
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh lần 1	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh lần 1	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài		
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14
25	Sửa chữa, nâng cấp công trình trụ sở cơ quan Bộ Tài nguyên và Môi trường tại số 10 Tôn Thất Thuyết, Hà Nội	2021-2023	2624/QĐ-BTNMT ngày 20/11/2020	44.900	20.000	20.000	0	9.664	9.664	0	48,32%	
26	Đầu tư Khu liên cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Bộ	2020-2023	156/QĐ-BTNMT ngày 26/01/2021; 1342/QĐ-BTNMT ngày 08/7/2021	673.000	261.324	260.000	1.324	191.775	190.451	1.324	73,25%	
XI	Trung tâm QH&ĐT tài nguyên nước			34.279	25.000	25.000	0	13.473	13.473	0	53,89%	
27	Dự án "Xây mới 66 điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất thuộc khu vực duyên hải Nam Trung Bộ	2021-2023	3012/QĐ-BTNMT ngày 29/12/2020	34.279	25.000	25.000	0	13.473	13.473	0	53,89%	
XII	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng			1.038.553	259.800	143.741	116.059	109.739	41.528	68.211	28,89%	
	- Vốn trong nước			112.777	4.956	1.870	3.086	847	197	650	10,53%	
	- Vốn nước ngoài			925.776	254.844	141.871	112.973	108.892	41.331	67.561	29,13%	
28	Tiểu Dự án 1: "Đầu tư nâng cấp và hoàn thiện hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên nước mặt tại Đồng bằng sông Cửu Long"	2017 - 2021	129/QĐ-BTNMT ngày 25/01/2021; 411/QĐ-BTNMT ngày 09/3/2021	204.336	52.339	17.936	34.403	30.758	1.982	28.776	11,05%	
	- Vốn trong nước			25.255		640	1.766		0	242		
	- Vốn nước ngoài			179.081		17.296	32.637		1.982	28.534		
29	Tiểu Dự án 2: "Nâng cấp xây dựng mạng quan trắc nước dưới đất Đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện biến đổi khí hậu"	2017 - 2021	1360/QĐ-BTNMT ngày 22/6/2020; 411/QĐ-BTNMT ngày 09/3/2021	220.592	48.320	0	48.320	10.143	0	10.143		
	- Vốn trong nước			35.157			1.320		0	408		
	- Vốn nước ngoài			185.435			47.000		0	9.735		
30	Tiểu Dự án 3: "Xây dựng Hệ thống giám sát biến động bờ sông, bờ biển khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long bằng Công nghệ viễn thám"	2017 - 2021	2488/QĐ-BTNMT ngày 28/10/2016; 411/QĐ-BTNMT ngày 09/3/2021	275.929	42.054	41.805	249	39.757	39.513	244	94,52%	
	- Vốn trong nước			25.047		1.230	0		197	0		
	- Vốn nước ngoài			250.882		40.575	249		39.316	244		

STT	Nội dung	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (Điều chỉnh nếu có)		Kế vốn hoạch năm 2022			Giải ngân đến ngày 16/11/2022			Tỷ lệ giải ngân 2022 (%)	Tỷ lệ giải ngân 2021 kéo dài (%)
			Số QĐ, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh lần 1	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài	Tổng số	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh lần 1	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài		
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14
31	Tiểu Dự án 4: "Đầu tư trung tâm dữ liệu vùng Đồng bằng Sông Cửu Long tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường của khu vực phục vụ phân tích, đánh giá hỗ trợ ra quyết định về phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu"	2018 - 2022	2657/QĐ-BTNMT ngày 27/10/2017; 411/QĐ-BTNMT ngày 09/3/2021	337.696	117.087	84.000	33.087	29.081	33	29.048	0,04%	
	- <i>Vốn trong nước</i>			27.318		0			0	0		
	- <i>Vốn nước ngoài</i>			310.378		84.000	33.087		33	29.048		
XIII	Trường Đại học TNMT TP. Hồ Chí Minh			495.349	84.500	84.500	0	31.013	31.013	0	36,70%	
32	Xây dựng cơ sở vật chất Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh (giai đoạn1)	2019-2022	3283/QĐ-BTNMT ngày 29/10/2018	495.349	84.500	84.500	0	31.013	31.013	0	36,70%	